

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 393/2026/DS-PT

Ngày 17 - 4 - 2026

*T/c chấm dứt hành vi cản trở quyền
sử dụng đất, yêu cầu công nhận
quyền về lối đi qua và bồi thường chi
phí xây dựng*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Dung

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Trung

Ông Lê Minh Đạt

- Thư ký phiên tòa: Bà Tăng Thị Bích Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Ông Phan Thanh Hào - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 685/2025/TLPT-DS ngày 03 tháng 12 năm 2025 về việc “*Tranh chấp chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất, yêu cầu công nhận quyền về lối đi qua và bồi thường chi phí xây dựng*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 98/2025/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực K - Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 244/2026/QĐPT-DS ngày 24 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 379/2026/QĐ-PT ngày 23 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

+ Ông Võ Văn N, sinh năm 1972 (có mặt)

+ Bà Nguyễn Thị Bạch H, sinh năm 1976 (có mặt)

Cùng địa chỉ: 10/6, ấp H, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã P, tỉnh Vĩnh Long).

Người đại diện theo ủy quyền của ông N, bà H:

+ Ông Hàn Dũng Q, sinh năm năm 1978. Địa chỉ: Số D đường C, khu phố B, phường N, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

+ Ông Võ Thanh T, sinh năm 1991. Địa chỉ: Số B, khu phố B, phường S, tỉnh Vĩnh Long (có mặt)

- Bị đơn:

+ Ông Nguyễn Thanh H1, sinh năm 1963 (vắng mặt)

+ Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1960 (vắng mặt)

+ Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1987 (có mặt)

Cùng địa chỉ: tổ N, ấp S, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã P, tỉnh Vĩnh Long).

Người đại diện theo ủy quyền của ông T1, ông H1: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1987; địa chỉ: tổ N, ấp S, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã P, tỉnh Vĩnh Long) (theo Văn bản ủy quyền ngày 26/6/2025).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Thanh H1: Bà Trần Thị Bích T2 - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm T4 tỉnh Vĩnh Long.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân xã P. Địa chỉ: ấp L, xã P, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trương Văn P1 - Chủ tịch.

- Người kháng cáo: Ông Võ Văn N và bà Nguyễn Thị Bạch H – Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tài liệu chứng cứ và lời khai của nguyên đơn có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Ông Võ Văn N là chủ sử dụng hợp pháp hai thửa đất liền kề gồm: thửa 187 và thửa 428 cùng tờ bản đồ số 8, tổng diện tích gần 1.300m² (bút lục 31); Thửa 187 (nguồn gốc từ thửa cũ số 3574) có diện tích 585,5m² được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 17/5/2013 (bút lục 15). Sơ đồ thửa đất trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa 187 thể hiện đường đất giáp thửa 187 và giáp thửa 428. Ông N khẳng định đường đất theo sơ đồ không phải là đường công cộng hợp pháp mà chỉ là lối mòn do nguyên đơn thiện chí cho một số hộ dân phía bên trong đi nhờ. Nguyên đơn chưa từng ký bất kỳ văn bản hiến tặng, thỏa thuận hay cam kết nào liên quan

việc trích đất làm đường. Việc thể hiện đường đất trong bản đồ của thửa 187 là sai lệch và không có căn cứ pháp lý.

Nay do nhu cầu khai thác, sử dụng đối với thửa 187, ông N và bà H đã chủ động mở lối đi bê tông thay thế trên thửa 428 với kết cấu bền vững rộng thoáng khang trang hơn được Ủy ban nhân dân xã chấp thuận bằng văn bản và đa số hộ dân đi nhờ phía trong đồng thuận. Tổng chi phí xây dựng đường bê tông gồm: Công thợ và vật liệu xây dựng tổng cộng là 152.250.000 đồng. Thời gian thi công từ ngày 26/10/2020 đến ngày 31/3/2021. Tuy nhiên, 03 hộ bị đơn không chấp hành việc sử dụng lối đi hợp pháp, tiếp tục sử dụng trái phép đoạn lối mòn cũ trên thửa 187 gây cản trở ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền sử dụng đất hợp pháp của nguyên đơn. Nay ông N và bà H khởi kiện yêu cầu:

- Buộc các bị đơn chấm dứt ngay lập tức hành vi xâm nhập trái phép lối đi cũ trên thửa đất 187, khôi phục nguyên trạng quyền sử dụng đất hợp pháp của nguyên đơn.

- Công nhận lối đi mới là phương án hợp pháp, hợp tình, hợp lý, đã được chính quyền cho phép và cộng đồng dân cư ủng hộ, buộc bị đơn và các hộ liên quan phải sử dụng đúng lối đi này.

- Yêu cầu bồi thường thiệt hại (nếu có) phát sinh từ hành vi chiếm dụng đất, làm trì hoãn kế hoạch xây dựng, giảm giá trị khai thác đất hợp pháp của nguyên đơn.

- Kiến nghị Tòa án xem xét, trong phạm vi thẩm quyền, đề nghị cơ quan quản lý đất đai thực hiện chỉnh lý lại hồ sơ địa chính, loại bỏ “đường đất” sai lệch hiện trạng, phục hồi đúng bản đồ thửa đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 2011.

- Yêu cầu bị đơn bồi thường số tiền 152.250.000 đồng. Nếu Tòa án tuyên các bị đơn được quyền sử dụng lối đi cũ thì các bị đơn phải có nghĩa vụ bồi thường lại cho nguyên đơn toàn bộ chi phí lập lối đi mới cộng cộng 152.250.000 đồng.

Ngoài ra, nguyên đơn yêu cầu các bị đơn không được quyền sử dụng lối đi cũ và lối đi mới qua đất của nguyên đơn (mặc dù chưa có hành động gì ngăn cản) mà các bị đơn phải có nghĩa vụ tìm lối đi mới.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh H1, ông Nguyễn Văn T1 và ông Nguyễn Văn P cùng có lời trình bày:

Nguồn gốc lối đi cũ mà nguyên đơn ông N cho rằng các bị đơn gây cản trở quyền sử dụng đất là lối đi công cộng tồn tại trên 30 năm được xác định

trong dự án V và đã có trên bản đồ địa chính. Lối đi có chiều dài khoảng 200m ngang 2m đi từ ngoài Quốc lộ E vào bên trong, lối đi sử dụng cho rất nhiều hộ dân bên trong đi. Hiện trạng lối đi là đường thẳng, rất thuận lợi cho sử dụng lối đi cũng như tham gia giao thông chuyên chở hàng hóa trên lối đi này.

Nay ông N, bà H yêu cầu các bị đơn chấm dứt hành vi cản trở đi trên lối đi này thì các bị đơn không đồng ý vì lối đi này là lối đi công cộng thuộc quyền quản lý của nhà nước. Các bị đơn không có xâm phạm quyền sử dụng đất của ông N, bà H. Các bị đơn không đồng ý sử dụng lối đi mới là do nguyên đơn tự mở lối đi mà không có thỏa thuận, bàn bạc với các bị đơn. Việc ông N tự mở lối đi mới cũng không được cơ quan có thẩm quyền công nhận lối đi này và yêu cầu tháo dỡ rất nhiều lần, ông N có thực hiện tháo dỡ nhưng chưa trả lại hiện trạng ban đầu như lối đi cũ. Do đó, việc ông N yêu cầu các bị đơn công nhận lối đi mới do ông N tự mở là không có cơ sở. Hơn nữa, việc ông N mở lối đi mới gây cản trở khuất tầm nhìn cho người sử dụng lối đi này, tiềm ẩn nguy cơ tai nạn giao thông. Nguy cơ cản trở giao thông là do ông N có xây tường bảo vệ tài sản làm hẹp lối đi. Vì vậy nên phía cơ quan chức năng nhiều lần có văn bản yêu cầu ông N tháo dỡ tường nhưng ông N không chấp hành.

Đối với tất cả các yêu cầu khởi kiện của ông N (gồm 05 yêu cầu) các bị đơn đều không đồng ý, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 98/2025/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực H - Vĩnh Long đã quyết định:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 157, 165 và khoản 2 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 166, 170 và 254 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 và 236 Luật đất đai năm 2024 và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 19/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Văn N bà Nguyễn Thị Bạch H đối với ông Nguyễn Thanh H1, ông Nguyễn Văn T1 và ông Nguyễn Văn P về việc tranh chấp “Yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất, yêu cầu công nhận quyền về lối đi qua và yêu cầu bồi thường chi phí xây dựng”.

Tuyên bố ông Nguyễn Thanh H1, ông Nguyễn Văn T1 và ông Nguyễn Văn P không có hành vi cản trở quyền sử dụng được quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 187, tờ bản đồ số 8 và thửa đất số 428, tờ bản đồ số 8, đất tọa lạc tại tổ N,

ấp S, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là ấp S, xã P, tỉnh Vĩnh Long) do ông Võ Văn N bà Nguyễn Thị Bạch H đang đứng tên.

Buộc ông Võ Văn N bà Nguyễn Thị Bạch H có nghĩa vụ tháo dỡ phần bức tường xây có ký hiệu (4), diện tích $1,1m^2$ có kết cấu trụ, đà bê tông cốt thép, thành xây gạch dày 20cm và 10cm để đảm bảo đi lại thông thoáng cho ông Nguyễn Thanh H1, ông Nguyễn Văn T1 và ông Nguyễn Văn P.

Ông Nguyễn Thanh H1, ông Nguyễn Văn T1 và ông Nguyễn Văn P không cần phải bồi thường giá trị phần bức tường xây cho ông Võ Văn N, bà Nguyễn Thị Bạch H (*Có kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất kèm theo là bộ phận không thể tách rời bản án*).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí sơ thẩm, chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07 tháng 10 năm 2025 ông Võ Văn N và bà Nguyễn Thị Bạch H nộp đơn kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông Võ Thanh T đại diện ủy quyền của ông N và bà H trình bày: Các nguyên đơn giữ nguyên kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào họa đồ năm 2009 để cho rằng phần đất lối đi là đường công cộng là không đúng. Căn cứ trích lục bản đồ địa chính ngày 08/11/2011 thể hiện thửa 3574 có diện tích $646m^2$ của ông N, bà H không có đường đất, diện tích đường đi các bị đơn sử dụng thuộc thửa 3574 của ông N và bà H. Hiện nay, phần đất lối đi thuộc thửa 187 của ông N và bà H, từ trước nay ông N và bà H không nhận bất kỳ văn bản thu hồi đất nào của cơ quan thẩm quyền về việc thu hồi đất để làm lối đi. Hơn nữa, ông N đã mở lối đi mới qua thửa đất 428 tạo điều kiện về lối đi cho các bị đơn sử dụng.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh H1, ông Nguyễn Văn T1, ông Nguyễn Văn P và ông P đại diện ủy quyền cho ông H1 và ông T1 trình bày: Không đồng ý kháng cáo của ông N và bà H, thống nhất quyết định của bản án sơ thẩm đã giải quyết.

Ủy ban nhân dân xã P có văn bản số 569/UBND-KT ngày 17/3/2026 có ý kiến như sau: Ủy ban xã P đồng ý quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 98/2025/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực K-Vĩnh Long và yêu cầu vắng mặt không tham gia tố tụng, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Thanh H1 là Trợ giúp viên pháp lý Trần Thị Bích T2 trình bày: Thửa đất 187 của ông N và bà H tiếp giáp đường giao thông nông thôn, không thuộc quyền sử dụng đất của ông N và bà H. Hiện trạng lối đi được người dân xác định là đường bê tông đã sử dụng ổn định lâu dài. Việc ông N nhận chuyển nhượng thửa đất 428 sau đó mở lối đi mới là sáng kiến cá nhân của ông N. Trên thực tế lối đi cũ là đường đi công cộng do nhà nước quản lý người dân có quyền sử dụng lối đi chung được Nhà nước bảo vệ, ông N không có quyền thay đổi lối đi công cộng, pháp luật không bắt buộc người dân phải thay đổi lối đi khi lối đi đã được Nhà nước công nhận. Việc ông N và bà H tự mở lối đi chi phí là 152.250.000 đồng do ông N tự thực hiện nên không có căn cứ buộc bị đơn phải bồi thường chi phí này. Xét kháng cáo của ông N và lời trình bày của người đại diện của nguyên đơn không có căn cứ chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông N và bà H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến xét xử phúc thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Võ Văn N và bà Nguyễn Thị Bạch H. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 98/2025/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực K - Vĩnh Long. Về án phí: Ông N và bà H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Võ Văn N và bà Nguyễn Thị Bạch H nộp trong hạn luật định, phù hợp quy định Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Vĩnh Long có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của ông Võ Văn N và bà Nguyễn Thị Bạch H:

[2.1] Căn cứ hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 187 và thửa 428 của ông N và bà H, do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai khu vực 21 - Vĩnh Long cung cấp thể hiện: Thửa đất số 187, tờ bản đồ số 8 do ông N và bà H nhận chuyển nhượng từ ông Từ Văn H2 và bà Trần Thị Kiều Nhụy T3 vào ngày 10/11/2011, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2011 và cấp đổi vào năm 2013. Thửa đất số 428, tờ bản đồ số 8, do ông N và bà H nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Thanh H3 và bà Nguyễn Thị H4 vào ngày 13/10/2022, được cập nhật chỉnh lý sang tên cho ông N, bà H trên giấy chứng nhận vào năm 2022.

[2.2] Căn cứ nguồn gốc thửa 187 trước đây là thửa 3574 đã được đo đạc vào năm 2009, theo bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 07/10/2009 thể hiện đã tồn tại một đường đất giáp ranh với một phần thửa 2220, tờ bản đồ số 1 (nay là thửa 187, tờ bản đồ số 8 – bút lục 145). Khi đo đạc để cấp đổi thửa đất của ông N vào năm 2012 thì kết quả đo đạc địa chính thể hiện thửa 187, tờ bản đồ số 8, diện tích $585,5m^2$ ở cạnh 5-6, 6-1 giáp với đường đi, được người sử dụng đất là ông Võ Văn N ký tên thống nhất (bút lục 133). Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa 187 được cấp cho ông N, bà H không bao gồm phần diện tích đất thuộc đường đi nêu trên. Theo hồ sơ đo đạc và bản đồ địa chính, đường đi thể hiện trên bản đồ, không nằm trong phần diện tích quyền sử dụng đất cấp cho ông N, bà H và cũng không cấp cho cá nhân nào.

[2.3] Đối với thửa 428, theo trích lục bản đồ địa chính ngày 04/10/2019 (bút lục 165) có cạnh phía Đông của thửa đất giáp với đường giao thông nông thôn. Tại bản trích lục bản đồ địa chính ngày 17/12/2021, cạnh phía Đông của thửa đất giáp đường xã, đường liên xã (bút lục 160). Tại bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 14/9/2019, thể hiện tiếp giáp với thửa 159 do Ủy ban nhân dân xã S quản lý (bút lục 169, 171).

[2.4] Như vậy, căn cứ hiện trạng sơ đồ địa chính thể hiện thửa đất số 187 và 428 không giáp ranh nhau, giữa hai thửa đất có một đường giao thông đã tồn tại ổn định; thể hiện trong bản đồ địa chính, diện tích của quyền sử dụng đất đường đi đang tranh chấp cũng không thuộc quyền sử dụng được cấp cho ông N, bà H. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N

và bà H về việc cho rằng phần đất các bị đơn đang sử dụng làm đường đi là xâm phạm quyền sử dụng đất của nguyên đơn và yêu cầu buộc các bị đơn phải chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất là có căn cứ, phù hợp quy định Điều 5, Điều 11 Luật Đất đai năm 2024. Xét việc ông N, bà H mở đường đi mới là do ông N tự thực hiện, trước đây việc ông N tự mở đường đi được sự chấp nhận của Ủy ban nhân dân xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre theo thông báo số 34/TB-UBND ngày 22/02/2021 nhưng thông báo số 34 nêu trên đã bị thu hồi và hủy bỏ theo quyết định số 46/QĐ-UBND ngày 27/4/2021 của Ủy ban nhân dân xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre. Ngoài ra, đường đi mới ông N mở trên thửa đất 428 chỉ có một số hộ dân đồng ý, không được sự đồng thuận của các bị đơn nên không thể làm căn cứ bắt buộc các bị đơn phải sử dụng đường đi trên thửa đất 428 do nguyên đơn tự mở và đường đất các bị đơn đang sử dụng thể hiện trên bản đồ địa chính là đường đất, không thuộc quyền sử dụng đất cấp cho ông N và bà H. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N, bà H về việc buộc các bị đơn phải chuyển sang sử dụng lối đi mới do nguyên đơn tự tạo lập trên thửa 428 và yêu cầu đòi bồi thường chi phí xây dựng 152.0250.000 đồng là có căn cứ phù hợp quy định Điều 5, Điều 11 Luật Đất đai năm 2024 và Điều 169 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.5] Căn cứ kết quả đo đạc ngày 01/8/2025 do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai khu vực 21-Vĩnh Long cung cấp thể hiện phần bức tường xây có ký hiệu (4), diện tích $1,1m^2$, có kết cấu trụ, đà bê tông cốt thép, thành xây gạch dày 20cm và 10cm do ông N xây thuộc đường giao thông và hiện do các bị đơn đang sử dụng đường đi này, vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm ông N và bà H tự tháo dỡ di dời bức tường nêu trên và các bị đơn không phải bồi hoàn, hỗ trợ chi phí tháo dỡ là phù hợp quy định Điều 173 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông N và bà H có yêu cầu triệu tập người làm chứng là ông Nguyễn Thanh H3 và ông Nguyễn Văn Á nhưng lời của ông H3 và ông Á tại phiên tòa đều trình bày đường đi các bị đơn đang sử dụng đã có từ rất lâu, không xác định đường đi có khi nào nhưng ông H3 và ông Á còn nhỏ tuổi đã sử dụng đường đi này cho đến khi ông N mở lối đi mới trên thửa 428; lời khai ông H3 và ông Á cũng không có cơ sở xác định phần đất đường đi các bị đơn sử dụng thuộc quyền sử dụng đất của ông N, bà H hay cá nhân nào khác. Ngoài ra, ông N và bà H cũng không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông N và bà H.

[4] Từ nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thảo luận thống nhất không chấp nhận kháng cáo của ông Võ Văn N và bà Nguyễn Thị Bạch H. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 98/2025/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực H-Vĩnh Long.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Do kháng cáo của ông N và bà H không được chấp nhận nên ông bà phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[6] Phát biểu của Trợ giúp viên bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông H1 phù hợp quy định của pháp luật nên có căn cứ chấp nhận.

[7] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phù hợp với nhận định trên có căn cứ chấp nhận.

[8] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 169, 173 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 5, 11, 26, 236 Luật đất đai năm 2024; Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Võ Văn N và bà Nguyễn Thị Bạch H.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 98/2025/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực K-Vĩnh Long.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Văn N bà Nguyễn Thị Bạch H đối với các bị đơn ông Nguyễn Thanh H1, ông Nguyễn Văn T1 và ông Nguyễn Văn P về việc tranh chấp “Yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất, yêu cầu công nhận quyền về lối đi qua và yêu cầu bồi thường chi phí xây dựng”.

- Tuyên bố ông Nguyễn Thanh H1, ông Nguyễn Văn T1 và ông Nguyễn Văn P không có hành vi cản trở quyền sử dụng được quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 187, tờ bản đồ số 8 và thửa đất số 428, tờ bản đồ số 8, đất tọa lạc tại ấp S,

xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là ấp S, xã P, tỉnh Vĩnh Long) do ông Võ Văn N, bà Nguyễn Thị Bạch H đang đứng tên.

- Buộc ông Võ Văn N bà Nguyễn Thị Bạch H có nghĩa vụ tháo dỡ phần bức tường xây có ký hiệu (4), diện tích 1,1m² có kết cấu trụ, đà bê tông cốt thép, thành xây gạch dày 20cm và 10cm để đảm bảo thông thoáng cho ông Nguyễn Thanh H1, ông Nguyễn Văn T1 và ông Nguyễn Văn P (Kèm theo kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất).

- Ông Nguyễn Thanh H1, ông Nguyễn Văn T1 và ông Nguyễn Văn P không có nghĩa vụ phải bồi thường giá trị phần bức tường xây cho ông Võ Văn N bà Nguyễn Thị Bạch H.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Võ Văn N và bà Nguyễn Thị Bạch H mỗi người phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm. Ông N được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004860 ngày 09/10/2025 và bà H được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004861 ngày 09/10/2025 của cơ quan Thi hành án dân sự Vĩnh Long. Ông N và bà H đã nộp đủ.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT II - TATC;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Chánh án TAND TVL;
- Phòng GD,KT,TT&THA TAND TVL;
- TAND khu vực K-Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)

Võ Thị Mỹ Dung